

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 06 - 2023

V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đào Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Văn Ký và bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Doãn Thị Luyến – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 05 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1984; địa chỉ: khu phố T, phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Đặng Văn H1, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Đặng Văn H1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 17/01/2013, tại UBND phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xung đột, không có tiếng nói chung, không cùng chí hướng để xây dựng gia đình hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Chị và anh H1 sống ly thân từ tháng 09/2015 đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh H1.

Về con chung: chị và anh Đặng Văn H1 có một con chung, cháu là Đặng Đức H2, sinh ngày 18/06/2015. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2, không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ, triệu tập anh Đặng Văn H1 đến Tòa án để viết bản khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nhưng anh H1 đã không có mặt mà không có lý do nên không có bản khai của anh H1.

3. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giải quyết cho chị H được ly hôn anh H1; giao cháu H2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bị đơn là anh Đặng Văn H1 có địa chỉ nơi cư trú tại thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án, thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị H và anh H1 vắng mặt tại phiên tòa, chị H vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H và anh H1 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thu H khai, chị và anh Đặng Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Chị H cũng xuất trình cho Tòa án một Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 17/01/2013, trong đó xác định anh H1 là chồng chị H. Như vậy đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; theo chị H khai, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xung đột, không có tiếng nói chung, không cùng chí hướng để xây dựng gia đình hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Chị và anh H1 sống ly thân từ tháng 09/2015 đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau.

Theo kết quả xác minh ngày 14/04/2023, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Y, không rõ nguyên nhân gì nhưng sau khi sinh con, chị H dẫn theo con bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thị xã B, tỉnh Thanh Hóa đến nay, gia đình đã khuyên bảo và động viên chị H quay về để cùng chồng con sinh sống và làm ăn nhưng chị H không về. Như vậy, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh H1 có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau, đã vi phạm về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình nên đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị H được ly hôn anh H1 là phù hợp.

[3]. Về con chung: chị Nguyễn Thị Thu H khai, chị và anh Đặng Văn H1 có một con chung, cháu tên là Đặng Đức H2, sinh ngày 18/06/2015. Chị H cũng xuất trình cho Tòa án bản sao chứng thực Giấy khai sinh của cháu H2, thể hiện cháu H2

là con chung của anh H1 và chị H. Mặt khác, cháu H2 sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên đủ cơ sở khẳng định cháu H2 là con chung của chị H và anh H1.

Từ khi bỏ đi khỏi nhà chồng để về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, chị H có dẫn theo cháu H2 đi cùng và hiện nay cháu H2 đang ở với chị H. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, cháu H2 có nguyện vọng được ở với chị H, anh H1 không có ý kiến gì về việc nuôi con khi ly hôn. Xét thấy, để tránh xáo trộn về tâm sinh lý và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu H2 nên giao cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của chị nên được ghi nhận.

[4]. Về tài sản: chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Đặng Văn H1.

2. Về con chung: công nhận cháu Đặng Đức H2, sinh ngày 18/06/2015 là con chung của chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đặng Văn H1. Giao cháu H2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh H1 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị H.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số

AA/2021/0004475 ngày 10/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- UBND phường Đông Sơn, thị xã Bim Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Văn Nam